TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/DS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2025
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hữu Luận;

2. Ông Hán Văn Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Trúc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 11/2025/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số C, đường T, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L trình bày:

Ngày 06/3/2025 bà Nguyễn Thị Hồng P có vay của bà số tiền 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng) theo hợp đồng vay vốn số PNLB25003/1/4 ngày 06/3/2025, cụ thể:

- Số tiền vay: 15.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 03 tháng (từ ngày 06/3/2025 đến ngày 04/6/2025);

- Lãi suất: 1,75%/tháng, lãi suất quá hạn: 2,6%/tháng;

- Số tiền lãi theo hợp đồng: 787.500 đồng;

- Tổng số tiền gốc và lãi phải trả: 15.787.500 đồng;

- Số tiền góp hàng ngày: 176.000 đồng;

- Số tiền góp ngày cuối: 123.500 đồng.

Bà P đã nhận tiền đầy đủ theo hợp đồng và đã ký giấy nhận nợ ngày 06/3/2025.

Tính đến ngày 30/5/2025 bà P đã trả cho bà số tiền nợ gốc là 7.785.000 đồng sau đó bà P không thanh toán nữa.

Bà đã nhiều lần liên hệ nhưng bà P cố tình né tránh, không chịu trả tiền vay cho bà. Vì vậy bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P phải trả cho bà L số tiền tạm tính đến ngày 25/8/2025: 8.434.000 đồng. Trong đó:

+ V còn phải trả: 7.215.000 đồng;

+ Lãi trong hạn (từ ngày 06/3/2025 đến ngày 04/6/2025, trên dư nợ gốc 15.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm): 739.000 đồng;

+ Lãi quá hạn (từ ngày 05/6/2025 đến ngày 25/8/2025, trên dư nợ gốc 7.215.000 đồng với lãi suất chậm trả 30%/năm): 480.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P phải tiếp tục trả lãi chậm trả phát sinh đối với dư nợ gốc với mức lãi suất 30%/365 ngày, kể từ ngày 26/8/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng P: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà P nhưng bà P không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn, mặc dù đã được thông báo, tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa và không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng P trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn số PNLB25003/1/4 ngày 06/3/2025. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn L, xã P, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Khánh Hòa.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P. Tuy nhiên, bà P không đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, bà P vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng P, bà P đồng ý nhận các văn bản trên nhưng không đồng ý ký nhận vào biên bản giao nhận, không làm bản trình bày ý kiến, không đồng ý để Tòa án ghi lời khai liên quan đến việc bà Phạm Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bà P trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn số PNLB25003/1/4 ngày 06/3/2025 và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, chứng cứ do bà L xuất trình. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định những tình tiết, sự kiện, tài liệu, chứng cứ do bà L xuất trình thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định.

Theo Hợp đồng vay tiền số PNLB25003/1/4 ngày 06/3/2025 thể hiện giữa bà L và bà P có quan hệ giao dịch dân sự về việc vay số tiền 15.000.000 đồng; bà P đã nhận đủ số tiền vay từ bà L và ký Giấy nhận nợ cùng ngày 06/3/2025. Xét thấy, Hợp đồng vay tiền (kèm theo Giấy nhận nợ) được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung của hợp đồng vay tiền:

Hợp đồng vay tiền số PNLB25003/1/4 ngày 06/3/2025 thể hiện nội dung số tiền bà L cho bà P vay là: 15.000.000 đồng; Thời hạn vay: 03 tháng (từ ngày 06/3/2025 đến ngày 04/6/2025); Lãi suất: 1,75%/tháng, lãi suất quá hạn: 2,6%/tháng; Số tiền lãi theo hợp đồng: 787.500 đồng; Tổng số tiền gốc và lãi phải trả: 15.787.500 đồng; Số tiền góp hàng ngày: 176.000 đồng; Số tiền góp ngày cuối: 123.500 đồng. Bà P đã nhận tiền đầy đủ theo hợp đồng và đã ký giấy nhận nợ ngày 06/3/2025, số tiền nợ: 15.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 06/3/2025 đến ngày 30/5/2025 bà P thanh toán cho bà L số tiền gốc: 7.785.000 đồng, bà P không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 280 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Điều 4 của hợp đồng; bà P là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, bà Phạm Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng P có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc **7.215.000** đồng (15.000.000 đồng - 7.785.000 đồng) là phù hợp nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Theo Hợp đồng vay tiền số: PNLB25003/1/4 ngày 06/3/2025, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 1,75%/tháng và lãi suất quá hạn là 2,6%/tháng là vượt quá mức lãi suất thỏa thuận theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; Tuy nhiên tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất trong hạn áp dụng là 20%/năm và lãi suất quá hạn là 30%/năm, tương ứng với số tiền lãi trong hạn: 15.000.000 đồng x 20%/365 ngày x **90** ngày = **739.000** đồng (từ ngày 06/3/2025 đến ngày 04/6/2025); số tiền lãi quá hạn: 7.215.000 đồng x 30%/365 ngày x 81 ngày = **480.000** đồng (từ ngày 05/6/2025 đến ngày 25/8/2025). Xét thấy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P phải tiếp tục trả lãi chậm trả phát sinh đối với dư nợ gốc với mức lãi suất 30%/365 ngày, kể từ ngày 26/8/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L:

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Kim L số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 25/8/2025 là 8.434.000 đồng *(tám triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng)*. Trong đó: Tiền nợ gốc: 7.215.000 đồng; lãi trong hạn: 739.000 đồng; lãi quá hạn: 480.000 đồng.

1.2 Kể từ ngày 26/8/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, bà Nguyễn Thị Hồng P có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Kim L khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn là 30%/năm.

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 421.500 đồng *(bốn trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Phạm Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000566 ngày 30/7/2025 của Thi hành dân sự tỉnh Khánh Hòa.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2025), bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 8 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tỉnh Khánh Hòa.
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Loan